

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN U MINH THƯỢNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2024/DS-ST

Ngày 31/7/2024

“V/v tranh chấp hợp đồng góp họ (hụi)”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lư Quốc Thịnh**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Duy Tân**

2. Ông **Lê Hoàng Vũ**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Thị Thúy Kiều** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông **Huỳnh Hải Đăng** – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2024 về việc *“Tranh chấp hợp đồng góp họ”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐST-DS ngày 12 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Dương Thị Kim H**, sinh năm 2000. (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp BD, xã TY, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Bùi Thị Mỹ L**, sinh năm 1998. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp CS, xã AMB, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2024 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Dương Thị Kim H trình bày:

Chị Dương Thị Kim H và chị Bùi Thị Mỹ L quen biết nhau qua mạng xã hội Facebook. Chị L chủ động nhắn tin đề nghị tham gia chơi các dây hụi do chị H làm

chủ hội và chị H đồng ý cho chị L tham gia. Các dây hội chị L tham gia cụ thể như sau:

- Dây thứ nhất mở ngày 26/8/2023, hội 5.000.000đ/phần, mỗi tháng xỏ một lần, có 12 phần. Chị L tham gia 01 phần đến ngày 26/10/2023 thì lĩnh hội. Từ ngày 26/11/2023 Chị L không góp lại hội chết, số tiền hội chết còn nợ là 09 lần x 5.000.000đ = 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

- Dây thứ hai mở ngày 01/9/2023, hội 500.000đ/phần, một tuần xỏ một lần, có 24 phần, chị L tham gia 02 phần. Phần thứ nhất chị L lĩnh hội vào ngày 15/9/2023 và góp hội chết đến ngày 17/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 17/11/2023 chị L còn nợ tiền hội chết chưa góp là 14 lần x 500.000đ/phần = 7.000.000đ. Phần thứ hai chị L lĩnh hội vào ngày 06/10/2023 và góp hội đến ngày 17/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 17/11/2023 chị L còn nợ tiền hội chết 14 lần x 500.000đ/phần = 7.000.000đ. Tổng số tiền hội chết chị L còn nợ của dây hội này là 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng).

- Dây hội thứ ba mở ngày 11/9/2023, hội 600.000đ/phần, hội 03 ngày xỏ một lần, có 42 phần, chị L tham gia 04 phần. Phần thứ nhất chị L lĩnh hội đầu vào ngày 11/9/2023 và góp hội đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 10/11/2023 chị L nợ hội chết chưa đóng là 12 lần x 600.000đ/phần = 7.200.000đ. Phần thứ hai chị L lĩnh hội vào ngày 19/9/2023 và góp hội đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, chị L nợ tiền hội chết chưa đóng là 12 lần x 600.000đ/phần = 7.200.000đ. Phần thứ ba chị L lĩnh hội vào ngày 01/10/2023 và góp hội đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, chị L còn nợ tiền hội chết chưa đóng là 12 lần x 600.000đ/phần = 7.200.000đ. Phần thứ tư chị L lĩnh hội vào ngày 13/10/2023 và góp hội đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, chị L còn nợ tiền hội chết chưa đóng là 12 lần x 600.000đ/phần = 7.200.000đ. Tổng số tiền hội chết chị L còn nợ của dây hội này là 28.800.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng).

- Dây hội thứ tư mở ngày 19/9/2023, hội 5.000.000đ/phần, 07 ngày xỏ một lần, có 15 phần, chị L tham gia 02 phần. Phần thứ nhất chị L lĩnh hội đầu và góp hội chết đến ngày 12/11/2023 thì không góp nữa, chị L nợ hội chết chưa góp là 06 lần x 5.000.000đ/phần = 30.000.000đ. Phần thứ hai chị L lĩnh hội ngày 25/9/2023 và góp hội chết đến ngày 12/11/2023 thì không góp nữa, chị L nợ hội chết chưa góp là 06 lần

$\times 5.000.000\text{đ/phần} = 30.000.000\text{đ}$. Tổng số tiền hội chết chị L còn nợ của dây hội này là $60.000.000\text{đ}$ (Sáu mươi triệu đồng).

- Dây hội thứ năm mở ngày 27/9/2023, hội $1.000.000\text{đ/phần}$, 05 ngày xổ một lần, có 30 phần, chị L tham gia hai phần. Phần thứ nhất chị L lĩnh hội ngày 05/10/2023 và góp hội chết đến ngày 12/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 12/11/2023 chị L nợ hội chết chưa góp là 19 lần $\times 1.000.000\text{đ/phần} = 19.000.000\text{đ}$. Phần thứ hai chị L lĩnh hội ngày 25/10/2023 và góp hội chết đến ngày 12/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 12/11/2023 chị L nợ hội chết chưa góp là 19 lần $\times 1.000.000\text{đ/phần} = 19.000.000\text{đ}$. Tổng số tiền hội chết chị L còn nợ của dây hội này là $38.000.000\text{đ}$ (Ba mươi tám triệu đồng).

- Dây hội thứ sáu mở ngày 04/10/2023, hội 300.000đ/phần , xổ hàng ngày, có 50 phần, chị L tham gia bốn phần. Phần thứ nhất chị L lĩnh hội ngày 06/10/2023 và góp hội chết đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 10/11/2023 chị L nợ hội chết chưa góp là 12 lần $\times 300.000\text{đ/phần} = 3.600.000\text{đ}$. Phần thứ hai chị L lĩnh hội ngày 09/10/2023 và góp hội chết đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 10/11/2023 chị L nợ hội chết chưa góp là 12 lần $\times 300.000\text{đ/phần} = 3.600.000\text{đ}$. Phần thứ ba chị L lĩnh hội ngày 19/10/2023 và góp hội chết đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 10/11/2023 chị L nợ hội chết chưa góp là 12 lần $\times 300.000\text{đ/phần} = 3.600.000\text{đ}$. Phần thứ tư chị L lĩnh hội ngày 22/10/2023 và góp hội chết đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 10/11/2023 chị L nợ hội chết chưa góp là 12 lần $\times 300.000\text{đ/phần} = 3.600.000\text{đ}$. Tổng số tiền hội chết chị L còn nợ của dây hội này là $14.400.000\text{đ}$ (Mười bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

- Dây hội thứ bảy mở ngày 31/10/2023, hội $1.000.000\text{đ/phần}$, 05 ngày xổ một lần, có 22 phần, chị L tham gia một phần và lĩnh hội vào ngày 04/11/2023. Chị L góp hội chết đến ngày 12/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 12/11/2023 chị L nợ tiền hội chết là 20 lần $\times 1.000.000\text{đ/phần} = 20.000.000\text{đ}$ (Hai mươi triệu đồng).

- Dây hội thứ tám mở ngày 31/10/2023, hội $1.000.000\text{đ/phần}$, xổ hàng ngày, có 30 phần, chị L tham gia hai phần. Phần thứ nhất chị L lĩnh hội ngày 01/11/2023 và góp hội chết đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 10/11/2023 chị L nợ hội chết chưa góp là 18 lần $\times 1.000.000\text{đ/phần} = 18.000.000\text{đ}$. Phần thứ hai chị L lĩnh hội ngày 05/11/2023 và góp hội chết đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 10/11/2023 chị L nợ hội chết chưa góp là 18 lần $\times 1.000.000\text{đ/phần} =$

18.000.000đ. Tổng số tiền hội chết chị L còn nợ của dây hội này là 36.000.000đ (Ba mươi sáu triệu đồng).

- Dây hội thứ chín mở ngày 04/11/2023, hội 2.000.000đ/phần, xổ hàng ngày, có 22 phần, chị L tham gia một phần và lĩnh hội ngày 04/11/2023. Chị L góp hội chết đến ngày 10/11/2023 thì không góp nữa, tính đến ngày 10/11/2023 chị L nợ hội chết chưa góp là 16 lần x 2.000.000đ/phần = 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).

Như vậy, tổng số tiền hội chết chị L còn nợ chị H của 09 dây hội trên là 288.200.000đ, nhưng chị L còn 01 phần hội chưa lĩnh mà chị L đã góp được 03 lần là dây hội 5.000.000đ/phần/tháng và hội chị L lĩnh mà chị H giữ tiền lại một phần với số tiền là 17.200.000đ. Sau khi căn trừ thì tổng số tiền hội chết chị L còn nợ chị H là 271.000.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu đồng). Chị L có viết giấy xác nhận nợ cho chị H. Theo giấy xác nhận nợ thì chị L cam kết trả 50.000.000đ cho chị H ngày 10/01/2024 âm lịch và phần còn lại trong vòng một năm sẽ trả hết, nhưng khi đến hạn chị L không thực hiện theo cam kết mà còn thách thức chị H đi thưa kiện, có bằng chứng là giấy xác nhận nợ, đoạn ghi âm và hình ảnh tin nhắn giữa chị H và chị L. Chị H đã nhiều lần yêu cầu chị L trả số tiền hội còn nợ để chị H giao cho các hội viên khác nhưng chị L chỉ hứa hẹn mà không thực hiện.

Nay chị H khởi kiện yêu cầu chị L trả số tiền hội chết còn nợ của 09 dây hội là 271.000.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa chị Bùi Thị Mỹ L vắng mặt, không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị L trả số tiền hội chết còn nợ là 271.000.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu đồng).

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về trình tự, thủ tục giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Bị đơn vi phạm quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ theo các chứng cứ trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim H đối với chị Bùi Thị Mỹ L, buộc chị Bùi Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho chị Dương

Thị Kim H số tiền còn nợ từ việc tham gia góp hụi là 271.000.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Xét mối quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hợp đồng dân sự, nơi bị đơn cư trú tọa lạc trên địa phận hành chính của huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang nên căn cứ Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Về quan hệ pháp luật: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim H đối với chị Bùi Thị Mỹ L là tranh chấp góp hụi, các giao dịch được xác lập vào năm 2023 nên quan hệ tranh chấp trên được điều chỉnh theo quy định tại 471 Bộ luật Dân sự năm 2015 để giải quyết.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn chị Bùi Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án khi vắng mặt bị đơn.

[4] Về nội dung vụ án: Chị Dương Thị Kim H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Bùi Thị Mỹ L trả cho chị số tiền nợ từ việc tham gia góp hụi tổng cộng 271.000.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu đồng).

Xét thấy, mặc dù bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng căn cứ vào chứng cứ có trong hồ sơ như Giấy xác nhận nợ hụi do chị Bùi Thị Mỹ L viết, biên bản xác minh đối với mẹ ruột của L và Công an ấp Công Sự, hình ảnh và video thể hiện việc Chị L thừa nhận và viết biên nhận nợ hụi cho chị H với số tiền là 271.000.000đ đúng như lời chị H trình bày.

Như vậy, từ các chứng cứ trên có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định được chị Bùi Thị Mỹ L có tham gia chơi các dây hụi do chị Dương Thị Kim H làm chủ và còn nợ chị Dương Thị Kim H số tiền tổng cộng là 271.000.000đ chưa thanh toán. Vì vậy, chị Dương Thị Kim H khởi kiện yêu cầu chị Bùi Thị Mỹ L trả số tiền còn nợ 271.000.000đ là có căn cứ để chấp nhận.

Từ nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử thống nhất buộc chị Bùi Thị Mỹ L có trách nhiệm trả cho chị Dương Thị Kim H số tiền nợ từ việc tham gia chơi hụi là 271.000.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Bùi Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $271.000.000đ \times 5\% = 13.550.000đ$ (Mười ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)

Chị Dương Thị Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.775.000đ (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003172 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 26, 39, 94, 147, điểm b Điều 227, Điều 271, 273 và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Dương Thị Kim H đối với chị Bùi Thị Mỹ L về tranh chấp góp họ (hụi).

2. Buộc chị Bùi Thị Mỹ L trả cho chị Dương Thị Kim H số tiền tổng cộng là 271.000.000đ (Hai trăm bảy mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. .

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn chị Bùi Thị Mỹ L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $271.000.000đ \times 5\% = 13.550.000đ$ (Mười ba triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng)

Chị Dương Thị Kim H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 6.775.000đ (Sáu triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0003172 ngày 21 tháng 3 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo Bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 31/7/2024). Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện U Minh Thượng;
- THADS huyện U Minh Thượng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lư Quốc Thịnh